

QUY ĐỊNH

Về xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt chương trình, kế hoạch khuyến công; tổ chức thực hiện kế hoạch; quản lý sử dụng kinh phí khuyến công địa phương; tạm ứng, thanh lý, quyết toán kinh phí khuyến công địa phương đối với các tổ chức quản lý thực hiện, các đơn vị thụ hưởng từ các chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương thực hiện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường và đặc khu thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công địa phương là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trong từng giai đoạn, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động ở địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công địa phương do Sở Công Thương thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đề án khuyến công là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công được quy định tại Điều 4 Nghị định 45/2012/NĐ-CP. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. Đơn vị thực hiện Đề án là các tổ chức, cá nhân lập Đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

5. Đơn vị thụ hưởng là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công.

6. Tổ chức dịch vụ khuyến công khác là đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc Sở Công Thương nhưng có chức năng, nhiệm vụ về khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và các tổ chức không thuộc Điều 7, Điều 8 của Nghị định 45/2012/NĐ-CP nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc năng lực phù hợp để triển khai thực hiện các dịch vụ khuyến công.

7. Sản xuất và tiêu dùng bền vững là việc áp dụng các giải pháp theo hướng tiếp cận vòng đời sản phẩm, đẩy mạnh liên kết trong các khâu từ khai thác tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đến thiết kế, sản xuất, phân phối, tiêu dùng và thải bỏ, chú trọng sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì, tái sử dụng và tái chế trong các công đoạn của vòng đời sản phẩm; coi trọng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, cải tiến thiết bị, quy trình quản lý nhằm thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

8. Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến công là việc hỗ trợ áp dụng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số nhằm thay đổi mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh truyền thống để tạo ra cơ hội, sản phẩm, doanh thu và giá trị mới trong sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

9. Địa bàn quản lý hoạt động khuyến công địa phương là địa giới hành chính các xã, phường.

10. Chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

11. Ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến là việc ứng dụng vào các khâu sản xuất, xử lý ô nhiễm môi trường nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị cơ sở sản xuất đang sử dụng.

12. Công nghệ - thiết bị mới được lựa chọn xây dựng mô hình trình diễn là công nghệ-thiết bị nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường so với công nghệ-thiết bị các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đang áp dụng.

13. Đổi mới thiết bị, công nghệ là việc thay thế một phần hay toàn bộ thiết bị, công nghệ đang sử dụng bằng các thiết bị, công nghệ khác tiên tiến hơn, hiệu quả hơn.

Điều 4. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và khoản 4, khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân đầu tư vốn trong năm kế hoạch hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

3. Đơn vị thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công địa phương

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp hàng năm theo kế hoạch.

2. Ngân sách cấp xã bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức thực hiện trên địa bàn, nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Kinh phí lồng ghép với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

5. Các mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công địa phương thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Trình tự xây dựng, triển khai Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 05 năm

1. Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công giai đoạn 05 năm, sau khi Bộ Công Thương ban hành chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn và quy hoạch Tỉnh, định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh; Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên

quan; đăng ký, xây dựng Chương trình khuyến công địa phương cho giai đoạn tiếp theo.

2. Trên cơ sở đăng ký của các cơ quan, đơn vị và ý kiến của các Sở, ngành liên quan, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình khuyến công giai đoạn tiếp theo.

3. Quyết định phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn 05 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

Điều 7. Kế hoạch khuyến công hàng năm

1. Đối với kế hoạch khuyến công quốc gia: Căn cứ hướng dẫn của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công về xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lựa chọn một số đề án đảm bảo các điều kiện theo quy định gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của Bộ Công Thương.

2. Đối với kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh được lập phù hợp với nội dung hoạt động khuyến công theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP và Chương trình khuyến công giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Nghị quyết về các mức chi khuyến công của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nội dung kế hoạch bao gồm hai phần:

a) Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công năm sau,

b) Biểu tổng hợp danh mục các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương đề xuất thực hiện trong năm tới.

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đăng ký danh mục đề án, nhiệm vụ và dự toán kinh phí đề án khuyến công của năm liền kề. Sở Công Thương sẽ dựa trên đề xuất của các cơ quan đơn vị liên quan và Chương trình khuyến công giai đoạn đề xuất dự toán kinh phí kế hoạch khuyến công cho năm tiếp theo, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định. Nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến công hàng năm sẽ được phân bổ cho Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và phân bổ vào dự toán ngân sách của Sở Công Thương 1,5% kinh phí khuyến công hàng năm để thực hiện công tác quản lý chương trình, kế hoạch đề án khuyến công.

Đối với quy trình xây dựng kế hoạch khuyến công cấp tỉnh, thực hiện theo các quy định tại Điều 11 Quy định này.

3. Đối với kế hoạch khuyến công cấp xã

a) Kế hoạch khuyến công cấp xã được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của Phòng Kinh tế. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp xã bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công.

b) Căn cứ hướng dẫn của Sở Công Thương về xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, Phòng Kinh tế rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ phù hợp trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, gửi Sở Công Thương đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh theo quy định.

c) Phòng Kinh tế rà soát, lựa chọn nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công cấp xã (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh) tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Phòng Kinh tế báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp xã và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

Điều 8. Nguyên tắc lập đề án khuyến công địa phương

1. Phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh, điều kiện hỗ trợ kinh phí khuyến công theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Phù hợp với Chương trình khuyến công giai đoạn tỉnh Khánh Hòa.

3. Phù hợp với Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hướng dẫn về hoạt động khuyến công.

Điều 9. Các đề án khuyến công địa phương được ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên: Thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Ngành nghề ưu tiên: Thực hiện theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Hồ sơ và nội dung của Đề án khuyến công địa phương

1. Hồ sơ đề án khuyến công cấp tỉnh gồm:

- a) Tờ trình đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Tờ trình đề nghị hỗ trợ khuyến công của tổ chức, cá nhân;
- c) Đề án khuyến công;

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tờ khai quy mô doanh nghiệp; quyết định đầu tư của tổ chức, cá nhân và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có).

2. Hồ sơ đề án khuyến công cấp xã gồm:

- a) Tờ trình đề nghị của Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Tờ trình đề nghị hỗ trợ khuyến công của cơ sở công nghiệp nông thôn;
- c) Đề án khuyến công;

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; tờ khai quy mô doanh nghiệp; quyết định đầu tư của cơ sở công nghiệp nông thôn và các tài liệu kèm theo (nếu có).

3. Nội dung của Đề án khuyến công địa phương

a) Tên đề án khuyến công: Xác định tên gọi phù hợp với nội dung thực hiện đề án khuyến công.

b) Tên đơn vị thực hiện: (Tên, địa chỉ, điện thoại, fax, họ và tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật, số tài khoản, nơi mở tài khoản).

c) Địa điểm thực hiện đề án khuyến công: Ghi rõ địa điểm nơi thực hiện đề án khuyến công;

d) Sự cần thiết của đề án khuyến công;

e) Mục tiêu: Nêu những mục tiêu chính mà đề án dự kiến đạt được;

f) Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; tóm tắt các điểm vượt trội, nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ;

g) Dự toán kinh phí: Xác định tổng kinh phí thực hiện đề án; trong đó, kinh phí khuyến công địa phương, kinh phí của đơn vị thụ hưởng và những nguồn kinh phí đóng góp khác.

h) Hiệu quả của đề án khuyến công:

- Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường
- Tính bền vững của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ

i) Nội dung và tiến độ: Xác định rõ những nội dung cần thực hiện và tiến độ thực hiện của đề án khuyến công.

k) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án;

l) Kết luận và kiến nghị: Sự phù hợp của đề án theo các Nghị định, Thông tư, Quyết định và văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn về hoạt động khuyến công.

Điều 11. Quy trình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương

Trên cơ sở dự toán kinh phí đã được phê duyệt tại Điều 7, Sở Công Thương phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch khuyến công với trình tự cụ thể như sau:

1. Lập đề án khuyến công

a) Các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công đối với đề án đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã; nội dung đề án khuyến công được lập đảm bảo đúng nguyên tắc và nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quy định này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện đề án khuyến công địa phương. Thành phần tài liệu lập đề án thực hiện theo Phụ lục I đính kèm quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm rà soát các đề án khuyến công đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản này, lập tờ trình kèm theo hồ sơ đề án khuyến công gửi Sở Công Thương thẩm định.

- Trường hợp đối với đề án khuyến công không đủ điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do đến cơ sở công nghiệp nông thôn biết.

2. Thẩm định đề án khuyến công địa phương: Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch; nội dung thẩm định cụ thể như sau:

2.1 Thẩm định nội dung

a) Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 8 Quy định này.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

đ) Phù hợp với nguyên tắc ưu tiên quy định tại Điều 9 của Quy định này.

e) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

2.2. Thẩm định kinh phí

a) Đối với đề án sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh: Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kinh phí trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Đối với đề án sử dụng kinh phí khuyến công cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thẩm định, phê duyệt đề án khuyến công đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

3. Phê duyệt đề án khuyến công địa phương

Sở Công Thương phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tình hình triển khai thực hiện đối với các đề án thuộc kế hoạch khuyến công được duyệt và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án khuyến công.

Thành phần tài liệu phê duyệt gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt đề án khuyến công của Sở Công Thương.
- Báo cáo thẩm định các đề án khuyến công.
- Đề án khuyến công của các đơn vị thực hiện đề án khuyến công.

4. Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương

a) Căn cứ quyết định phê duyệt và mức hỗ trợ kinh phí đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch ký hợp đồng hỗ trợ thực hiện đề án khuyến công với cơ sở công nghiệp nông thôn (đơn vị thụ hưởng) đề án khuyến công đảm bảo theo đúng các quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch là đơn vị thực hiện thì căn cứ theo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công của Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng hỗ trợ thực hiện đề án khuyến công, các đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công có nhu cầu tạm ứng kinh phí hỗ trợ theo quyết định phê duyệt đề án khuyến công, thì đề xuất Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch đề nghị tạm ứng theo mức tạm ứng quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này.

d) Đối với các đề án khuyến công thuộc dạng trình diễn mô hình, đơn vị thụ hưởng đề án gửi văn bản đăng ký tổ chức trình diễn mô hình đến Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch phối hợp với đơn vị thực hiện/đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công tổ chức hội nghị trình diễn mô hình và nghiệm thu đề án.

đ) Đối với các đề án khuyến công không thực hiện trình diễn, sau khi thực hiện hoàn thành các nội dung của hợp đồng thực hiện đề án khuyến công. Đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công phải báo cáo kết quả thực hiện đề án khuyến công

gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch để tổ chức nghiệm thu đề án, thanh lý hợp đồng thực hiện đề án khuyến công theo quy định.

Điều 12. Thời gian lập kế hoạch, thẩm định và triển khai thực hiện

1. Các đơn vị thực hiện đề án đăng ký đề án khuyến công với Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Hồ sơ đăng ký được quy định tại Điều 10 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch gửi hồ sơ đăng ký kế hoạch khuyến công về Sở Công Thương trước ngày 20 tháng 7 hàng năm.

3. Sở Công Thương tổ chức thẩm định và gửi Sở Tài Chính đăng ký dự toán ngân sách trước ngày 15 tháng 8 hàng năm. Sở Tài chính tổng hợp chung vào phương án phân bổ ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và phân bổ dự toán cho Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch.

Chương III

TẠM ỨNG, THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 13. Tạm ứng và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Tạm ứng

a) Đối với các đề án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp mức tạm ứng 30% kinh phí hỗ trợ của đề án.

b) Đối với các đề án mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; mô hình chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến; sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn; đề án đào tạo nghề, dạy nghề, truyền nghề và đề án hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp mức tạm ứng kinh phí 50% hỗ trợ đề án.

c) Ngoài các đề án quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, các đề án khuyến công khác mức tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ/đề án.

d) Thành phần tài liệu tạm ứng kinh phí khuyến công theo Phụ lục II đính kèm Quy định này.

2. Thanh toán và quyết toán đề án khuyến công địa phương

- Công tác thanh toán, quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thành phần tài liệu quyết toán kinh phí khuyến công theo Phụ lục III, Phụ lục IV đính kèm Quy định này.

- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, đề án khuyến công cao hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo đúng mức chi hỗ trợ đã được phê duyệt.

- Trường hợp tổng vốn đầu tư thực tế của mô hình, đề án khuyến công thấp hơn tổng vốn đầu tư theo quyết định phê duyệt thì quyết toán mức chi hỗ trợ theo tỷ lệ quy định tương ứng tại Quy định này.

Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương

a) Đối với đề án sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh: Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các đơn vị thực hiện, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với đề án sử dụng kinh phí khuyến công cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

c) Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn có đề án khuyến công được phê duyệt đã nhận kinh phí tạm ứng mà ngừng triển khai thực hiện thì Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện đề án khuyến công kiểm tra xác định nguyên nhân và yêu cầu bồi thường kinh phí đã tạm ứng theo quy định hoặc đề xuất ý kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định thu hồi kinh phí đã tạm ứng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy định này (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Chủ trì xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Tham mưu trình Ủy ban

nhân dân tỉnh Ban hành Quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình, kế hoạch khuyến công.

3. Cơ quan chủ trì, xây dựng dự toán kinh phí khuyến công hàng năm gửi Sở Tài chính lập, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt.

4. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt các đề án khuyến công địa phương.

5. Hướng dẫn Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch và các đơn vị thực hiện/đơn vị thụ hưởng đề án về nghiệp vụ có liên quan đến công tác quyết toán đề án khuyến công.

6. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án; bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ khuyến công địa phương đúng mục đích và có hiệu quả.

7. Định kỳ sáu tháng, một năm, có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ Chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và dự toán của cơ quan, đơn vị có liên quan lập, tổng hợp nhu cầu kinh phí khuyến công hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, phê duyệt.

2. Hàng năm thẩm định quyết toán nguồn kinh phí khuyến công địa phương tỉnh Khánh Hòa theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm các sở, ngành liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Sở Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh và tham gia ý kiến thẩm định đề án khuyến công khi có đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước các hoạt động khuyến công trên địa bàn theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng Chương trình; kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh, đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện và có nhu cầu hỗ trợ chính sách khuyến công xây dựng đề án khuyến công theo quy định.

b) Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trong việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn.

c) Phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện Chương trình; kế hoạch, các đề án khuyến công trên địa bàn.

d) Định kỳ sáu tháng, năm tổng hợp báo cáo tình hình triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn gửi Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trước ngày 10 háng 6 hàng năm.

3. Căn cứ tình hình thực tế của xã, xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm của xã (nếu cần) và triển khai thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Điều 19. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

1. Hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định; đăng ký các đề án, nhiệm vụ do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch thực hiện gửi Sở Công Thương xem xét, thẩm định.

2. Ký hợp đồng với cơ sở công nghiệp nông thôn có đề án hỗ trợ được phê duyệt; đồng thời theo dõi, giám sát tình hình triển khai thực hiện các đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở công nghiệp nông thôn, đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công theo thẩm quyền hoặc trình các cơ quan có chức năng nghiên cứu giải quyết kịp thời;

3. Là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công, thực hiện các thủ tục tạm ứng, thanh lý hợp đồng tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công, giải ngân và quyết toán kinh phí hỗ trợ khuyến công thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án do Trung tâm lập và triển khai thực hiện.

5. Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng (gửi Sở Công Thương trước ngày 25 háng tháng), báo cáo quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

6. Phối hợp với Sở Công Thương, hướng dẫn cấp xã, đơn vị thực hiện/đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công trong việc tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Định kỳ sáu tháng, năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn toàn tỉnh cho Sở Công Thương trước ngày 15 của tháng 6 hàng năm.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp nông thôn (đơn vị thụ hưởng) đề án khuyến công địa phương và đơn vị phối hợp

1. Đối với cơ sở công nghiệp nông thôn (đơn vị thụ hưởng) đề án khuyến công:

a) Lập đề án khuyến công đúng theo nội dung quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án theo đúng những nội dung của quyết định phê duyệt đề án khuyến công, các điều khoản hợp đồng ký kết, sử dụng kinh phí hiệu quả và có trách nhiệm quyết toán kinh phí đề án theo đúng chế độ quy định hiện hành.

c) Tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công.

d) Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý các thông tin đã cung cấp cho các cơ quan quản lý trong xây dựng đề án, báo cáo và các văn bản có liên quan khác của các đề án khuyến công.

đ) Có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả kinh phí đã được tạm ứng nếu không thực hiện đúng theo các nội dung của đề án khuyến công được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công sau khi được Sở Công Thương chủ trì kiểm tra nguyên nhân (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

e) Có trách nhiệm duy trì hoạt động của mô hình, máy móc thiết bị được hỗ trợ và sử dụng đúng mục đích trong thời gian tối thiểu 02 năm kể từ ngày nghiệm thu đề án (trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở bộ biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia, giao Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có gì vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.